

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 8 - 2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
sau khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quýnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và ông Trần Ngọc Chiến

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quỳnh Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2021/ TLST – HNGĐ ngày 06/5/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 02/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tô Thị V, sinh năm: 1978; ĐKKHKT tại: Xóm H, thôn G, xã C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Hà Văn P, sinh năm: 1971; ĐKKHKT tại: Xóm H, thôn G, xã C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2021, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tô Thị V đều trình bày: Chị và anh Hà Văn P kết hôn vào năm 1996 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố C. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau gần 01 năm, sau khi kết hôn về sống tại gia đình nhà chồng ở xóm H, thôn G, xã C, thành phố C cho đến năm 1999 thì anh chị chuyển ra ở nhà riêng cũng tại địa chỉ này. Cuộc sống chung của vợ chồng chị sau kết hôn hầu như không có hạnh P, nguyên nhân là do anh P ham mê cờ bạc, chơi bời rượu chè mà không quan tâm đến gia đình, không chăm sóc các con, chị có nói chuyện để anh P thay đổi nhưng anh P không nghe mà còn

đánh chị, thời gian này chị đã muốn ly hôn nhưng vì thương con còn nhỏ nên chị lại cố gắng chịu đựng. Từ năm 2008 anh P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị xét xử với mức án 15 năm và phải đi chấp hành án tại Trại giam Phi Liệt, thành phố Hải Phòng. Mặc dù không còn tình cảm với anh P nhưng chị vẫn đi thăm hỏi, động viên để mong anh P cải tạo tốt nhưng đến năm 2018 anh P chấp hành án xong ra trại vẫn không thay đổi tính cách mà còn cư xử quá đáng hơn, đánh chị nhiều lần và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên chị không còn tin tưởng vào tình cảm của anh P. Tình trạng này kéo dài nên chị thấy mệt mỏi, chán nản, không muốn tiếp tục chung sống với anh P nữa, mâu thuẫn của vợ chồng chị cũng đã được gia đình và thôn xóm hòa giải nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân nhau mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Đến nay tình cảm của chị dành cho anh P không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng nên chị vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh Hà Văn P có 03 con chung là Hà Văn S, sinh ngày xx/xx/xxxx, Hà Trọng T, sinh ngày xx/xx/xxxx (đều đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh) và Hà Hiếu Thành, sinh ngày xx/x/xxxx quá trình sống ly thân con chung đã ở cùng với chị, hiện con chung có nguyện vọng được ở cùng với mẹ nên chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị được nuôi dưỡng. Hiện nay chị làm ruộng và còn lao động tự do để có thêm tiền trang trải cho gia đình, thu nhập bình quân là 5 triệu đồng/tháng, đảm bảo được các điều kiện nuôi con chung nên chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con, anh P được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ chung: Chị và anh P không có tài sản và công nợ chung.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – anh Hà Văn P nhiều lần nhưng anh P cố tình vắng mặt do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh P, anh P không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2021 của anh Hà Đức Tâm (em trai của anh Hà Văn P), anh Tâm cho biết: Anh P và chị V sau khi kết hôn về chung sống với nhau cho đến năm 2019 (sau khi anh P đi chấp hành án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”) thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do lỗi của hai anh chị không tìm được tiếng nói chung nên xảy ra cãi vã, mặt khác còn do anh chị sống xa nhau quá lâu nên tình cảm dành cho nhau không được như trước. Anh P đã nói chuyện với chị V để hàn gắn tình cảm nhưng chị V không đồng ý nên mâu thuẫn trầm trọng hơn, gia đình cũng hòa giải cho hai anh chị nhưng không có kết quả. Hiện tại anh P và chị V đã sống ly thân nhau, chị V kiên quyết xin ly hôn anh P, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án gửi

giấy triệu tập, thông báo, anh đã nhận và giao tận tay cho anh P và động viên anh P đến Tòa án nhưng do anh P bận công việc nên không đến Tòa án để giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tô Thị V, chị V được ly hôn với anh P; Chị V được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hà Hiếu T, anh P không phải cấp dưỡng cho con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tô Thị V yêu cầu xin ly hôn với Hà Văn P hiện cư trú trên địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Hà Văn P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố C đã tổng đạt hợp lệ cho anh P nhưng anh P có tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Tô Thị V và anh Hà Văn P là hôn nhân hợp pháp, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 1997, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố C, việc xác nhận kết hôn của anh chị được thể hiện thông qua bản sao giấy chứng nhận kết hôn, xác nhận của UBND xã C trong đơn khởi kiện của chị Tô Thị V cũng như công văn số 250/UBND ngày 12/8/2021 của UBND xã C cung cấp. Sau kết hôn thời gian đầu anh chị về sống cùng gia đình nhà nội ở thôn Giữa, xã C, thành phố C, đến năm 1999 thì ra ở riêng. Cuộc sống chung của anh chị sau kết hôn theo chị V trình bày thì hầu như không có hạnh P, nguyên nhân là do anh P không có trách nhiệm với gia đình, ham chơi bởi rượu chè, không chăm sóc các con khiến chị V chán nản, khi Chị V khuyên nhủ anh P không thay đổi mà còn đánh đập chị V. Từ năm 2008 thì anh P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị Tòa án xử phạt mức án 15

năm tù giam, anh P phải đi chấp hành án ở Trại giam P, thành phố Hải Phòng. Sau khi anh P đi chấp hành án về tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được, gia đình và khu phố đã tiến hành hòa giải mà không có kết quả, anh chị vẫn sống ly thân nhau mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Bản thân anh P khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh P cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ; khu phố và gia đình hai bên đã hòa giải cho hai anh chị nhưng không đạt kết quả nên chị V xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của chị V và anh P còn phù hợp với lời khai của anh Hà Đức T là em trai của anh P, lời khai của con chung và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú của cả hai anh chị.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh P.

* Về con chung: Chị Tô Thị V và anh Hà Văn P có 03 con chung là: Hà Văn S, sinh ngày xx/xx/xxxx, Hà Trọng T, sinh ngày xx/xx/xxxx (đều đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh) và Hà Hiếu T, sinh ngày xx/x/xxxx. Từ khi sống ly thân con chung của anh chị đã sống cùng chị V, con chung Hà Hiếu T có nguyện vọng được mẹ nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị V đều giữ quan điểm khi ly hôn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Hiếu T. Chị V hiện tại làm ruộng và lao động tự do, cũng có thu nhập ổn định nên đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh P không có quan điểm gì về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao con chung Hà Hiếu T cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp và cũng đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của con chung hai anh chị.

Do chị V không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con nên anh P không phải cấp dưỡng cho con chung, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản và công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Tô Thị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tô Thị V và anh Hà Văn P.

2. Về con chung: Chị Tô Thị V và anh Hà Văn P có 03 con chung là Hà Văn S, sinh ngày xx/xx/xxxx, Hà Trọng T, sinh ngày xx/xx/xxxx (đều đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh) và Hà Hiếu T, sinh ngày xx/x/xxxx.

Giao con chung là Hà Hiếu T cho chị Tô Thị V có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Hà Văn P không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tô Thị V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp ngày 06/5/2021 theo biên lai số: 0005844 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND xã C;
- Các đương sự;

- Lưu HSVA – VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh

Nơi nhận:

- TAND tởnh Quốing Ninh;
- VKSND thựnh phè CỀm Phầ;
- Chi cộc THADS thựnh phè CỀm Phầ;
- UBND phường Cẩm Thỷ;
- C, c Ờ- ờng sù;
- L-u HSVA – VP.

T/M HỒI ỜỜNG XỜT XỜ SỜ THỘM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

NguyỜn Thỷ Quỷnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thủy – Nguyễn Văn Hạ

Nguyễn Thị Quýnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thủy – Nguyễn Văn Hạ

Nguyễn Thị Quýnh

